



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA
- ỨNG DỤNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**

Cần Thơ, 12.2024

I. HÀNH LANG PHÁP LÝ

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13;
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
- Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT;
- Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT;
- Quyết định số 454/QĐ-BTNMT ngày 03/3/2023 của Bộ trưởng Bộ TN&MT ban hành Hướng dẫn kỹ thuật về xây dựng và chia sẻ cơ sở dữ liệu môi trường
- Quyết định số 3196/QĐ-BTNMT ngày 16/12/2019 của Bộ trưởng Bộ TN&MT ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử ngành TN&MT, phiên bản 2.0
- Một số văn bản QPPL có liên quan khác.

I. HÀNH LANG PHÁP LÝ

- **Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13**

Điều 115: Định hướng chính sách đầu tư, phát triển HTTT môi trường hướng tới phát triển nền tảng số, kinh tế số về môi trường; trách nhiệm của Bộ TN&MT, Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh trong xây dựng, quản lý và khai thác HTTT môi trường, CSDL môi trường theo phân cấp quản lý, bảo đảm tính đồng bộ, khả năng tích hợp, kết nối, liên thông với CSDL môi trường quốc gia.

- **Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT**

Điều 103 đến **Điều 107** quy định cụ thể hơn về triển khai xây dựng, quản lý và vận hành các HTTT, CSDL môi trường các cấp, bao gồm: Chính sách đầu tư xây dựng, sử dụng HTTT, CSDL môi trường; Bảo đảm hoạt động của HTTT, CSDL môi trường các cấp; Các yêu cầu đối với CSDL môi trường các cấp; Cung cấp, cập nhật thông tin, dữ liệu cho CSDL môi trường và một số nội dung cơ bản về xây dựng, vận hành, quản lý CSDL môi trường

I. HÀNH LANG PHÁP LÝ

- **Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT**

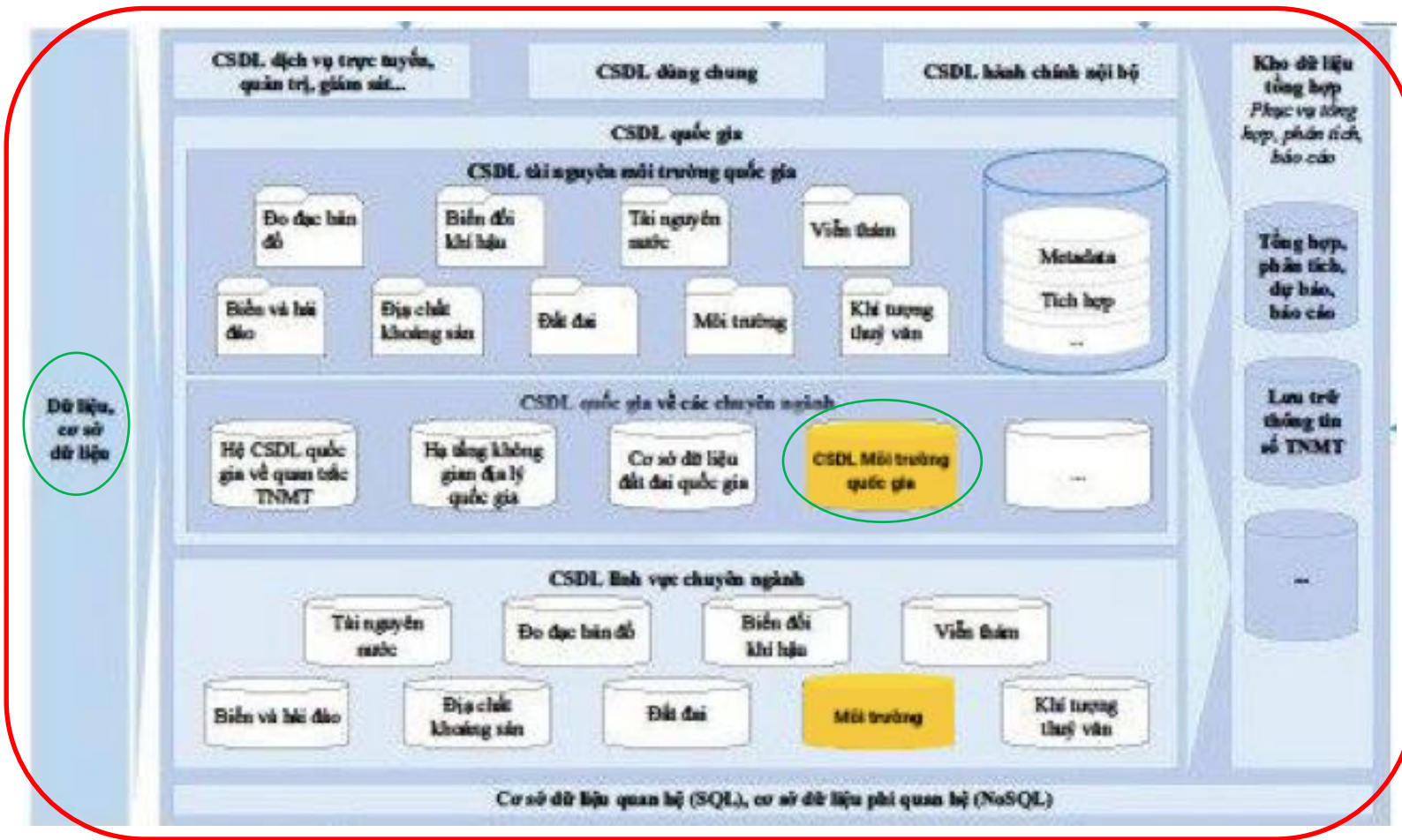
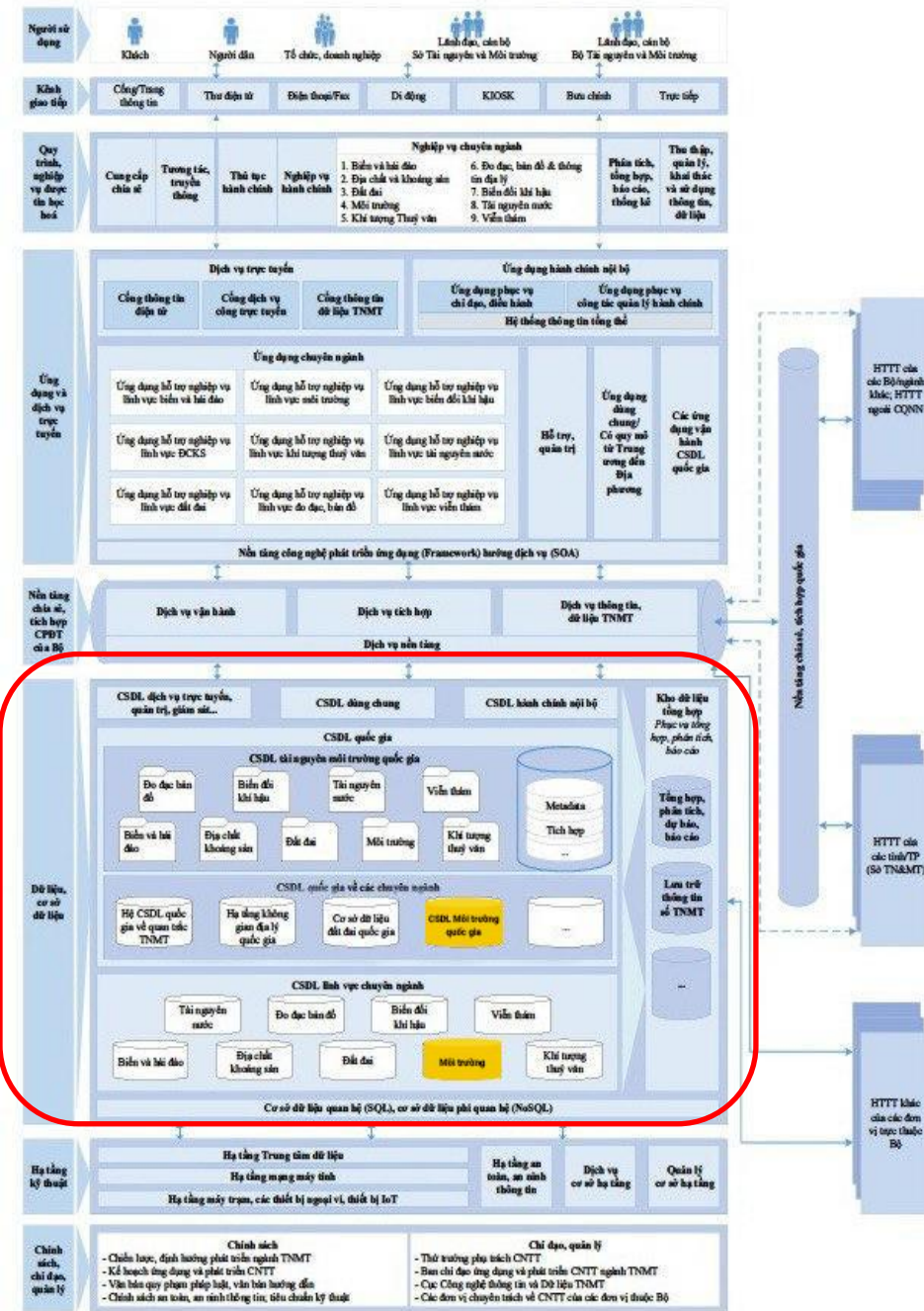
Quy định, yêu cầu chung của HTTT, CSDL môi trường; các chức năng cơ bản và yêu cầu kỹ thuật đối với HTTT môi trường; yêu cầu về kết nối, chia sẻ, liên thông giữa các CSDL môi trường quốc gia, Bộ, ngành và cấp tỉnh; bảo đảm sự toàn vẹn và tính pháp lý của thông tin, dữ liệu môi trường trong CSDL môi trường các cấp; cấu trúc thông tin cơ bản (bao gồm danh sách đối tượng quản lý và các trường thông tin cơ bản kèm theo) của CSDL môi trường quốc gia và cấp tỉnh, danh mục dùng chung và dữ liệu chia sẻ mặc định của CSDL môi trường các cấp

- **Quyết định số 454/QĐ-BTNMT ngày 03/3/2023 của Bộ trưởng Bộ TN&MT ban hành Hướng dẫn kỹ thuật về xây dựng và chia sẻ cơ sở dữ liệu môi trường**

Quy định chi tiết các nội dung về: hướng dẫn xây dựng CSDL môi trường quốc gia và cấp tỉnh; các vấn đề phục vụ việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các CSDL môi trường; quy định thiết kế kỹ thuật chi tiết CSDL môi trường theo các đối tượng quản lý cơ bản đã được quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, quy định cấu trúc dữ liệu danh mục dùng chung về môi trường và ban hành kèm theo bộ dữ liệu danh mục dùng chung về môi trường.

Đánh giá chung: Bộ TN&MT đã nỗ lực rất lớn trong việc xây dựng, trình ban hành và ban hành hành lang pháp lý khá đầy đủ và chi tiết để hỗ trợ cho các cơ quan QLNN về môi trường từ trung ương đến địa phương có thể triển khai xây dựng HTTT, CSDL môi trường theo phân cấp quản lý bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả năng tích hợp, kết nối, chia sẻ giữa các hệ thống, góp phần đẩy mạnh công tác chuyển đổi số của lĩnh vực môi trường trong ngành TN&MT.

Vị trí của CSDL Môi trường quốc gia trong Kiến trúc CPĐT Bộ TN&MT

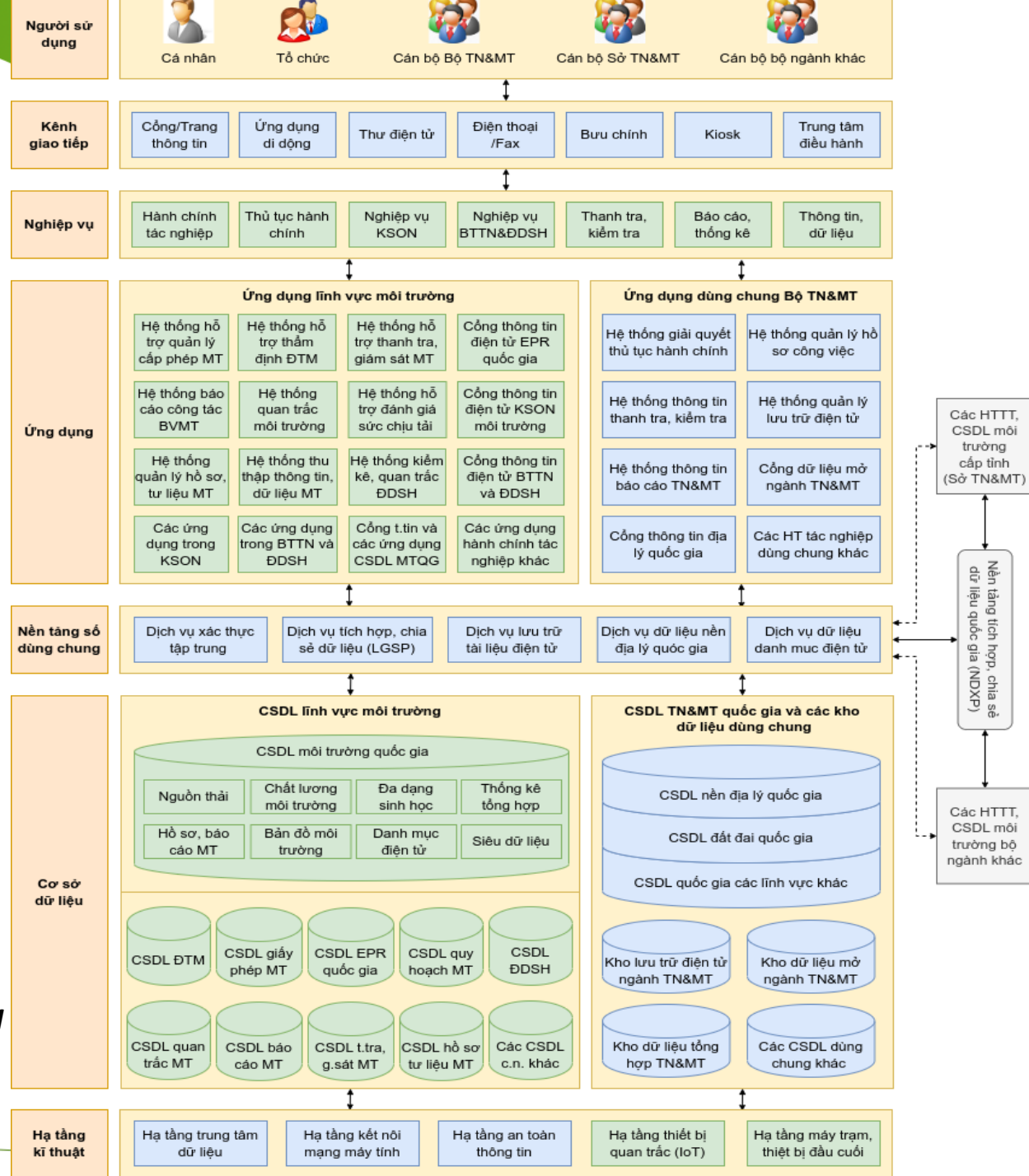


Theo Quyết định số 3196/QĐ-BTNMT ngày 16/12/2019 của Bộ trưởng Bộ TN&MT ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử ngành TN&MT

KIẾN TRÚC TỔNG THỂ HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

- Tầng người sử dụng
- Tầng kênh giao tiếp
- Tầng ứng dụng
- Tầng CSDL
- Tầng hạ tầng kỹ thuật
- Nền tảng số dùng chung

Hệ thống TT CSDL MTQG được xây dựng với vai trò là nền tảng quản lý, chia sẻ dữ liệu trong toàn ngành môi trường và cung cấp dữ liệu chia sẻ dùng chung về môi trường cho các cơ quan bộ ngành khác.



Theo Quyết định số 454/QĐ-BTNMT ngày 03/03/2023 của Bộ trưởng Bộ TN&MT ban hành Hướng dẫn kỹ thuật về xây dựng và chia sẻ CSDL môi trường

II. XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và đưa vào khai thác vận hành HTTT, CSDL môi trường quốc gia đáp ứng Chính phủ điện tử ngành TN&MT.

Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn 1 (năm 2021-2023):

- Xây dựng và hoàn thiện khung cấu trúc CSDL MTQG phù hợp với Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ TN&MT phiên bản 2.0;
- Xây dựng và vận hành CSDL MTQG, phục vụ tích hợp các CSDL chuyên ngành môi trường, quản lý thống nhất các dữ liệu môi trường ở cấp quốc gia;
- Xây dựng các module quản lý, cập nhật, khai thác và công bố TTMT, đảm bảo chia sẻ, tích hợp TTDL môi trường, phục vụ trực tiếp cho công tác chỉ đạo, điều hành của các đơn vị quản lý lĩnh vực môi trường và Bộ TN&MT.

Giai đoạn 2 (2024-2025):

- Xây dựng HTTT, CSDL MTQG hoàn thiện, có thể kết nối, liên thông giữa các Bộ, ngành và địa phương;
- Cung cấp khả năng phân tích, tổng hợp thông tin dữ liệu môi trường, phân tích thống kê phục vụ hệ thống điều hành thông minh, liên thông với HTTT báo cáo của Bộ TN&MT.

II. XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

CSDL môi trường quốc gia

Cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia đã được triển khai xây dựng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Quyết định số 454/QĐ-BTNMT và theo yêu cầu QLNN thực tế của Bộ TN&MT → các nhóm thông tin, dữ liệu chính gồm:

- Nguồn thải
- Chất lượng môi trường
- Đa dạng sinh học
- Chỉ tiêu môi trường
- Hồ sơ văn bản

II. XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

CSDL môi trường quốc gia

(1) Nhóm dữ liệu Nguồn thải, gồm các ĐTQL:

- Dự án
- Khu sản xuất dịch vụ tập trung
- Cơ sở SXKDDV
- Làng nghề
- Đơn vị dịch vụ QTMT
- Chủ đầu tư dự án/cơ sở

Thông tin chi tiết trong mỗi ĐTQL: *Thông tin chung; hồ sơ ĐTM/Kế hoạch BVMT, giấy phép môi trường, quản lý chất thải, hạ tầng kỹ thuật BVMT, Kết quả quan trắc, giám sát môi trường, hồ sơ thanh tra, kiểm tra đối với dự án/cơ sở...*

The screenshot shows the website interface for the National Environmental Data System. The header includes the logo of the Ministry of Natural Resources and Environment and the system name. A search bar is present in the top right. The main navigation menu includes categories like 'NGUỒN THẢI', 'CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG', etc. The current page displays detailed information for a specific project.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

Trang chủ >> Nguồn thải >> Dự án

THÔNG TIN CHI TIẾT < Quay lại

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP ĐẠI AN MỞ RỘNG
Mã định danh: 03012000140.DACS

| | |
|-----------------------|--|
| Địa chỉ | KM49 - Quốc lộ 5 Tỉnh Hải Dương |
| Loại hình gây ô nhiễm | Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử |
| Cấp phê duyệt ĐTM | Cấp Bộ |
| Đơn vị phê duyệt ĐTM | Bộ Tài nguyên và Môi trường |

Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Đại An mở rộng. Tổng diện tích đất trong phạm vi quy hoạch KCN mở rộng là 433 ha.
Theo kế hoạch đầu tư của Công ty và nội dung của Quyết định số: 4401/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2006 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật-Khu công nghiệp Đại An mở rộng của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương thì cơ cấu sử dụng đất công nghiệp của Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật-Khu công nghiệp Đại An mở rộng như sau:

1. Đất trung tâm điều hành, công trình công cộng, dịch vụ: 19,01 ha. 4,39
2. Đất xây dựng các xí nghiệp công nghiệp: 279,64 ha.
3. Đất XD các công trình đầu mối hạ tầng khu công nghiệp: 20,00 ha.
4. Đất giao thông: 53,14 ha.
5. Đất cây xanh, mặt nước: 61,21 ha.

Tổng cộng: 433 ha

II. XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

CSDL môi trường quốc gia

(2) Nhóm dữ liệu **Chất lượng môi trường**, gồm các ĐTQL:

- Nước mặt (kết quả quan trắc theo điểm/trạm của CTQT quốc gia, địa phương)
- Nước biển
- Không khí xung quanh
- Đất...
- Sự cố chất thải (thời gian, phạm vi, quy mô, nguyên nhân, tác động tới MT, biện pháp khắc phục...)
- Cải tạo phục hồi MT (cải tạo phục hồi suy thoái MT đất, suy thoái ô nhiễm nguồn nước, cải tạo khắc phục sự cố MT)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

NGUỒN THẢI CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG ĐA DẠNG SINH HỌC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG HỒ SƠ VĂN BẢN BẢN ĐỒ

Nước mặt Nước biển ven bờ Nước dưới đất Không khí Đất Trầm tích Nước mưa Sự cố chất thải Cải tạo phục hồi môi trường

Trang chủ >> Chất lượng môi trường >> Không khí >> Trạm quan trắc tự động

THÔNG TIN CHI TIẾT < Quay lại

Thông tin chung

Kết quả quan trắc trung bình 1 giờ

Kết quả quan trắc trung bình 24 giờ

Kết quả trung bình 1h lớn nhất trong ngày

Kết quả quan trắc trung bình năm

Các thông số vượt ngưỡng

Vị trí địa lý

AQI

Biểu đồ

0-50 (Tốt)

51-100 (Trung bình)

101-150 (Kém)

151-200 (Xấu)

201-300 (Rất xấu)

301-500 (Nguy hại)

NGUYỄN VĂN CÙ
Mã định danh: 00111001.DTQT

Kết quả quan trắc trung bình 1 giờ

dd/MM/yyyy

| STT | Ngày tháng | Thông số quan trắc | | | | | AQI |
|-----|------------------|--------------------|-----------------|-------|-------|-------|-----|
| | | NO | NO ₂ | PM10 | PM2.5 | PM1 | |
| 1 | 1:00 01/01/2018 | 2.77 | 17.71 | 49.01 | 40.97 | 36.99 | |
| 2 | 2:00 01/01/2018 | 3.51 | 16.94 | 59.31 | 52.77 | 48.85 | |
| 3 | 3:00 01/01/2018 | 3.64 | 16.65 | 60.31 | 54.99 | 51.77 | |
| 4 | 4:00 01/01/2018 | 3.58 | 17.38 | 58.84 | 55.23 | 52.43 | |
| 5 | 5:00 01/01/2018 | 3.27 | 17.28 | 62.98 | 53.54 | 48.05 | |
| 6 | 6:00 01/01/2018 | 3.30 | 17.08 | 68.92 | 59.29 | 53.50 | |
| 7 | 7:00 01/01/2018 | 3.47 | 17.18 | 64.76 | 56.66 | 51.75 | |
| 8 | 8:00 01/01/2018 | 3.43 | 17.35 | 60.18 | 52.90 | 48.98 | |
| 9 | 9:00 01/01/2018 | 3.21 | 16.72 | 69.38 | 59.72 | 53.52 | |
| 10 | 10:00 01/01/2018 | 3.33 | 17.32 | 61.85 | 53.67 | 48.65 | |

II. XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

CSDL môi trường quốc gia

(3) Nhóm dữ liệu Đa dạng sinh học, gồm các ĐTQL:

- Di sản thiên nhiên
- Khu bảo tồn thiên nhiên
- Hành lang đa dạng sinh học
- Cơ sở bảo tồn ĐDSH
- Các hệ sinh thái
- Loài
- Nguồn gen

Thông tin chi tiết trong mỗi ĐTQL: *thông tin chung, thông tin về bảo tồn loài, bảo tồn nguồn gen tại các khu/cơ sở....*

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

NGUỒN THẢI CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG ĐA DẠNG SINH HỌC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG HỒ SƠ VĂN BẢN BẢN ĐỒ

Khu bảo tồn thiên nhiên Di sản thiên nhiên Khu vực đa dạng sinh học cao Khu dự trữ sinh quyển Khu cảnh quan sinh thái quan trọng Vùng đất ngập nước quan trọng Vùng chim quan trọng Hành lang đa dạng sinh học Cơ sở bảo tồn Cấp phép đa dạng sinh học

Trang chủ >> Đa dạng sinh học >> Khu bảo tồn thiên nhiên

Danh sách Bản đồ

TỈNH THÀNH

Tỉnh Thanh Hóa 11

Tỉnh Cao Bằng 9

Tỉnh Quảng Nam 9

Tỉnh Hà Giang 7

Tỉnh Đắk Lắk 7

< 1 / 11 >

LOẠI HÌNH KHU BẢO TỒN

Vườn quốc gia 34

Khu dự trữ thiên nhiên 59

Khu bảo vệ cảnh quan 60

Khu bảo tồn loài - sinh cảnh 25

KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN Tìm kiếm theo mã/tên

Tìm kiếm Xuất danh sách

| STT | Mã định danh | Tên khu bảo tồn thiên nhiên | Loại hình khu bảo tồn | Tỉnh thành |
|-----|---------------|-------------------------------|------------------------|---------------------------------|
| 1 | 05200009.KVBT | An Toàn | Khu dự trữ thiên nhiên | Tỉnh Bình Định |
| 2 | 01900007.KVBT | ATK Định Hóa | Khu bảo vệ cảnh quan | Tỉnh Thái Nguyên |
| 3 | 00600020.KVBT | Ba Bể | Vườn quốc gia | Tỉnh Bắc Kạn |
| 4 | 00000050.KVBT | Ba Vì | Vườn quốc gia | Thành phố Hà Nội, Tỉnh Hoà Bình |
| 5 | 06800005.KVBT | Bidoup - Núi Bà | Vườn quốc gia | Tỉnh Lâm Đồng |
| 6 | 05600008.KVBT | Biển Hòn Mun - Vịnh Nha Trang | Khu dự trữ thiên nhiên | Tỉnh Khánh Hòa |
| 7 | 04900015.KVBT | Bà Nà - Núi Chúa (Quảng Nam) | Khu dự trữ thiên nhiên | Tỉnh Quảng Nam |
| 8 | 04800009.KVBT | Bà Nà - Núi Chúa (Đà Nẵng) | Khu dự trữ thiên nhiên | Thành phố Đà Nẵng |
| 9 | 02200008.KVBT | Bãi Tử Long | Vườn quốc gia | Tỉnh Quảng Ninh |
| 10 | 04800008.KVBT | Bán Đảo Sơn Trà | Khu dự trữ thiên nhiên | Thành phố Đà Nẵng |
| 11 | 01000005.KVBT | Bát Xát | Khu dự trữ thiên nhiên | Tỉnh Lào Cai |

II. XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

CSDL môi trường quốc gia

(4) Nhóm dữ liệu Chỉ tiêu môi trường, gồm các ĐTQL:

- Chỉ tiêu thống kê QG
- Chỉ tiêu thống kê ngành TN&MT
- Chỉ tiêu MT giám sát thực hiện Chiến lược QG về BVMT
- Chỉ tiêu kiểm kê, quan trắc ĐDSH...

Thông tin, dữ liệu về các chỉ tiêu được quản lý, tra cứu, khai thác theo biểu mẫu báo cáo đã quy định trong các văn bản pháp lý.

The screenshot displays the 'DANH SÁCH CHỈ TIÊU' (List of Indicators) section of the CEID website. The page title is 'Hệ thống chỉ tiêu giám sát và đánh giá Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030' (National Strategy on Biodiversity Conservation by 2030). A search bar is visible at the top right with the text 'Nhập nội dung tìm kiếm' (Enter search content).

| STT | Mã chỉ tiêu | Tên mục | Phân tổ chủ yếu |
|-----|-------------|--|-----------------|
| 1 | | Tỷ lệ % chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công thực hiện lồng ghép các yêu cầu về bảo tồn đa dạng sinh học | |
| 2 | | Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên trên đất liền so với diện tích lãnh thổ đất liền | |
| 3 | | Tỷ lệ % các khu di sản thiên nhiên, khu bảo tồn được đánh giá hiệu quả quản lý theo các tiêu chí đánh giá được ban hành | |
| 4 | | Số lượng khu Dự trữ sinh quyển thế giới được thành lập và công nhận mới | |
| 5 | | Số lượng Vườn di sản Asean được thành lập và công nhận mới | |
| 6 | | Tỷ lệ % các hệ sinh thái tự nhiên được phục hồi | |
| 7 | | Tỷ lệ % các khu vực có đa dạng sinh học cao được áp dụng chính sách bảo tồn hiệu quả | |
| 8 | | Tỷ lệ % các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nằm trong phương án quản lý, giám sát tại các khu bảo tồn thiên nhiên và các khu vực có giá trị bảo tồn | |

At the bottom of the page, the footer contains the following information: Cơ quan chủ quản: Bộ Tài nguyên và Môi trường; Địa chỉ: Số 10 Tôn Thất Thuyết, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội; Điện thoại: 0243 8728295; Email: dttdl@monre.gov.vn; Tài liệu hướng dẫn kết nối API.

II. XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

CSDL môi trường quốc gia

(5) Nhóm dữ liệu Hồ sơ văn bản, gồm các ĐTQL:

- Quy hoạch BVMT
- Kế hoạch công tác BVMT
- Hồ sơ ĐTM, Giấy phép môi trường
- Hồ sơ thủ tục hành chính
- Báo cáo môi trường (Báo cáo HTMT, Báo cáo công tác BVMT,...)

Thông tin, dữ liệu được quản lý gồm thông tin mô tả chi tiết của hồ sơ (metadata) và văn bản điện tử toàn văn kèm theo.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

NGUỒN THẢI CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG ĐA DẠNG SINH HỌC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG **HỒ SƠ VĂN BẢN** BẢN ĐỒ

Trang chủ » Hồ sơ văn bản » Giấy phép môi trường

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

| STT | Số hiệu văn bản | Chủ dự án/cơ sở | Tên cơ sở | Tên dự án | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
|-----|-----------------|--|--|-----------|---------------|--|
| 1 | 10/GXN-BTNMT | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng | Nhà máy Bia Sài Gòn - Lâm Đồng | | 30/03/2021 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 2 | 624/GXN-UBND | Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Xuất khẩu Trần Thảo | Nhà máy chế biến và xuất khẩu tôm Bình Thới - Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Xuất khẩu Trần Thảo | | 02/02/2021 | UBND Tỉnh Bến Tre |
| 3 | 387/GXN-STNMT | Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp | Nhà máy chế biến thủy sản Thanh Bình - Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp | | 09/12/2021 | Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Đồng Tháp |
| 4 | 06/GXN-BTNMT | Công ty TNHH nhóm Minh Dũng | Công ty TNHH nhóm Minh Dũng | | 29/01/2021 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 5 | 04/GXN-BTNMT | Công ty Cổ phần thép Việt - Ý | Nhà máy sản xuất phôi thép - Công ty Cổ phần thép Việt-Ý | | 25/01/2021 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 6 | 2107/GXN-UBND | Công ty TNHH Nhà nước một thành viên xử lý và chế biến chất thải Phú Thọ | Cơ sở xử lý rác thải công nghiệp | | 26/05/2021 | UBND Tỉnh Phú Thọ |

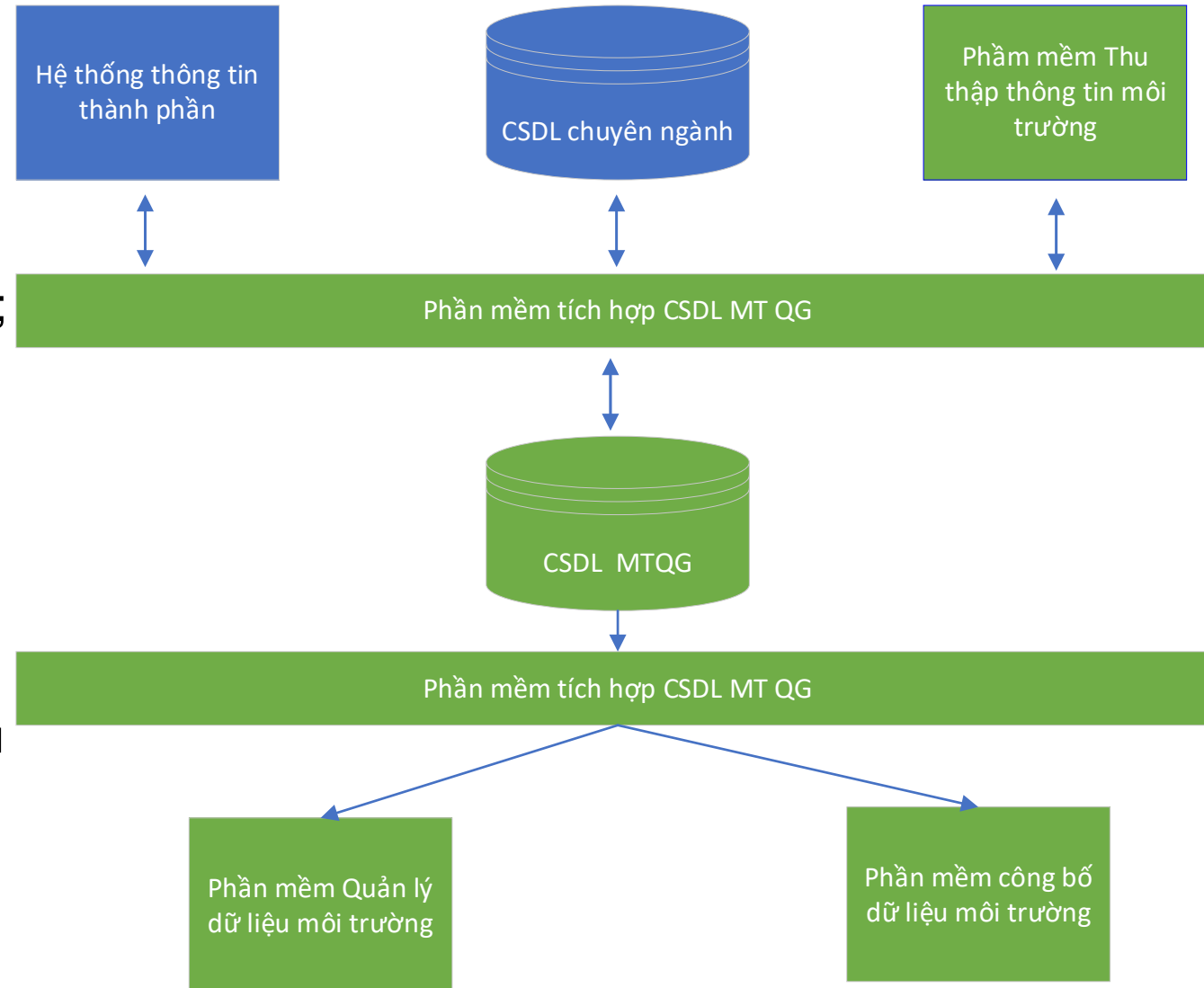
HỒ SƠ VĂN BẢN

- Quy hoạch BVMT
- Kế hoạch công tác BVMT
- Đánh giá tác động môi trường
- Giấy phép môi trường**
 - Giấy phép môi trường mới (luật BVMT 2020) **96**
 - Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước **489**
 - Giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi **0**
 - Giấy phép khai thác sử dụng nước mặt **15**
 - Số đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại **620**
 - Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường **4**
 - Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường **1196**
 - Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất **212**

II. XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

Các phần mềm ứng dụng đã triển khai xây dựng giai đoạn 2021 - 2023:

- Phần mềm nền tảng CSDL MTQG;
- Phần mềm dịch vụ tích hợp CSDL Môi trường;
- Phần mềm Quản lý truy cập tập trung trong CSDL Môi trường;
- Phần mềm Hỗ trợ thu thập thông tin môi trường.
- Phần mềm khai thác, tra cứu thông tin, dữ liệu môi trường;
- Phần mềm Quản lý dữ liệu môi trường.



Vị trí vai trò của các Phần mềm trong Hệ thống

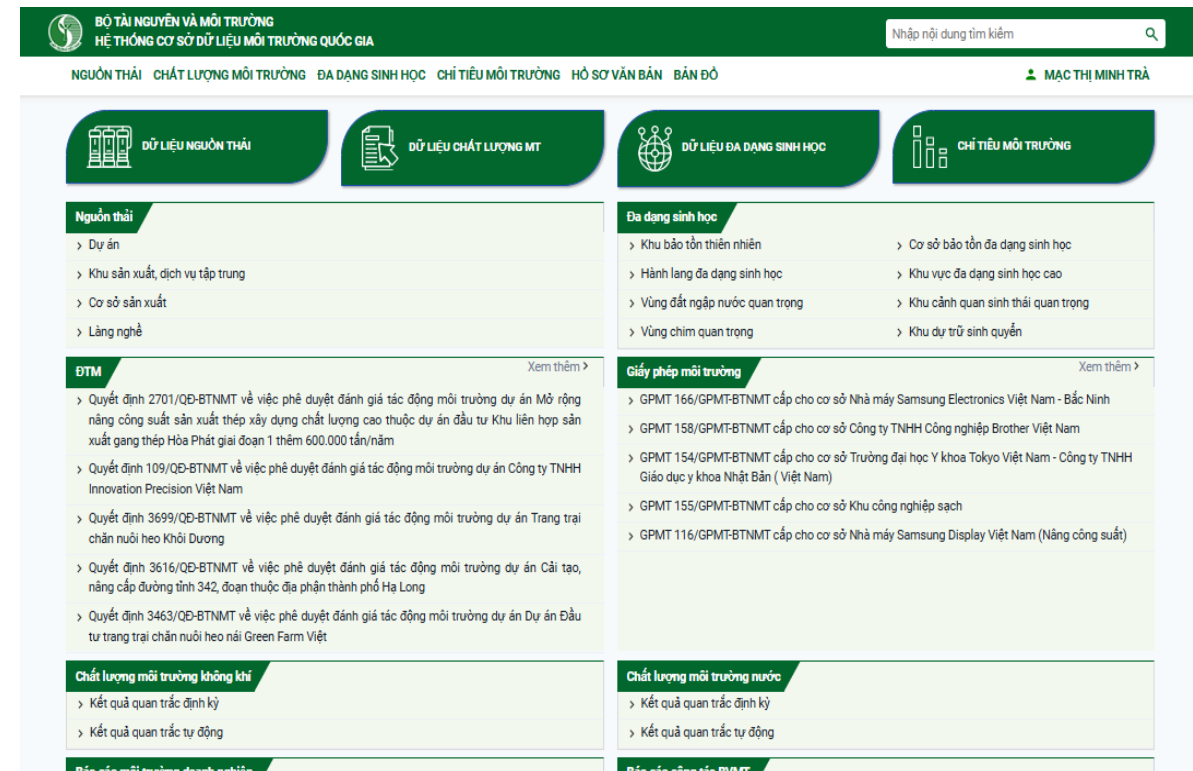
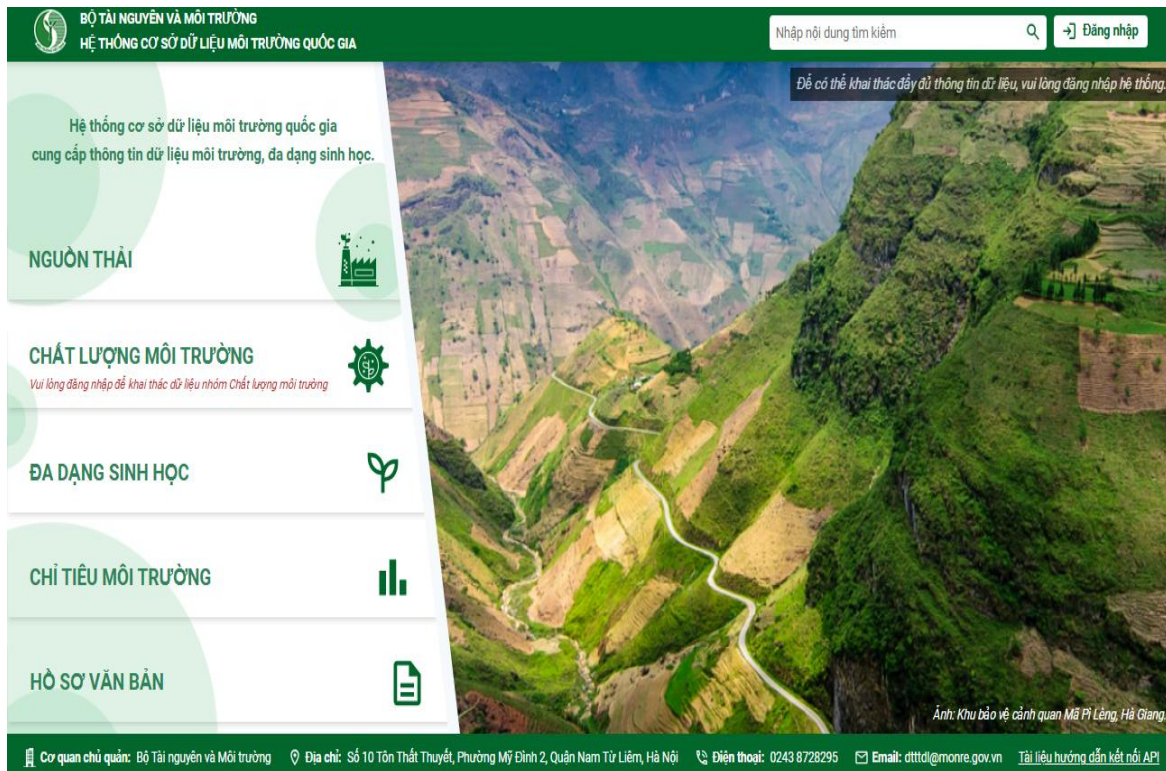
II. XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

Các phần mềm ứng dụng sẽ tiếp tục triển khai năm 2024 - 2025:

- (1) Phần mềm cung cấp dịch vụ API và kiểm tra, đối soát việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu**
- (2) Phần mềm quản lý, cung cấp và chia sẻ dữ liệu không gian**
- (3) Phần mềm hỗ trợ phân tích, tổng hợp số liệu, tạo lập một số loại báo cáo, dữ liệu môi trường tổng hợp**
- (4) Phần mềm đăng ký môi trường trong hoạt động SXKDDV dung chung cho các địa phương**
- (5) Phần mềm quản lý, lưu trữ chuyên ngành lĩnh vực môi trường**

II. XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

Phần mềm khai thác thông tin dữ liệu môi trường quốc gia (Cổng thông tin môi trường quốc gia) <http://moitruongquocgia.monre.gov.vn>



II. XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

Một số giao diện Phần mềm khai thác thông tin dữ liệu môi trường quốc gia

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

Ngôn ngữ: **CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG** | Đa dạng sinh học | Chỉ tiêu môi trường | Hồ sơ vấn bản | Bản đồ

Trang chủ >> Nguồn thải >> **Cơ sở**

CƠ SỞ | Tìm kiếm theo mã/ten | **Tìm kiếm** | Nâng cao | Xuất danh sách

| TỈNH/THÀNH PHỐ | Số lượng |
|--|----------|
| <input type="checkbox"/> Tỉnh Bắc Ninh | 526 |
| <input type="checkbox"/> Tỉnh Hải Dương | 181 |
| <input type="checkbox"/> Thành phố Hải Phòng | 158 |
| <input type="checkbox"/> Tỉnh Long An | 122 |
| <input type="checkbox"/> Tỉnh Bình Dương | 108 |

| STT | Mã định danh | Tên cơ sở | Tên chủ đầu tư | Địa chỉ |
|-----|------------------|---|---|---|
| 1 | 03322000118.DACS | Nhà máy sản xuất bia Hà Nội - Hưng Yên | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 | Đường 206, Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên |
| 2 | 03312000117.DACS | Nhà máy xử lý chất thải nguy hại và sản xuất kim loại màu | Công ty TNHH Ngọc Thiên | Xã Chi Đạo, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên |
| 3 | 08012000107.DACS | Nhà máy xử lý, tiêu hủy, tái chế chất thải nguy hại - Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xử lý chất thải nguy hại Tùng Nguyên H.S | Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xử lý chất thải nguy hại Tùng Nguyên H.S | Số 02, KCN Hải Sơn, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An |
| 4 | 03020000161.DACS | Nhà máy pha chế hóa chất - Công ty TNHH hóa chất và môi trường AUREOLE MITANI Chi nhánh Hải Dương | Công ty TNHH hóa chất và môi trường AUREOLE MITANI Chi nhánh Hải Dương | KCN Đại An, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương |
| 5 | 06422000089.DACS | Nhà máy chế biến mù cao su số 02/Công ty 75 - Binh đoàn 15 | Công ty 75 - Binh đoàn 15 | Xã Ia Krét, Huyện Đức Cơ, Tỉnh Gia Lai |

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

Ngôn ngữ: **CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG** | Đa dạng sinh học | Chỉ tiêu môi trường | Hồ sơ vấn bản | Bản đồ

Trang chủ >> Chất lượng môi trường >> **Không khí** >> Chương trình quan trắc

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC | Tìm kiếm theo mã/ten | **Tìm kiếm** | Xuất danh sách

| STT | Mã định danh | Tên chương trình | Đơn vị chủ trì |
|----------------------------|---------------|--|---|
| <input type="checkbox"/> 1 | 00021020.CTQT | Chương trình quan trắc quốc gia đối với không khí và nước tại địa bàn các tỉnh miền Nam năm 2021 | Tổng cục Môi trường - Trung tâm Quan trắc môi trường miền Nam |
| <input type="checkbox"/> 2 | 00021021.CTQT | Chương trình quan trắc quốc gia đối với không khí và nước tại địa bàn các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên năm 2021 | Tổng cục Môi trường - Trung tâm Quan trắc môi trường miền Trung và Tây Nguyên |
| <input type="checkbox"/> 3 | 00021022.CTQT | Chương trình quan trắc quốc gia đối với không khí và nước tại địa bàn các tỉnh miền Bắc năm 2021 | Tổng cục Môi trường - Trung tâm Quan trắc môi trường Miền Bắc |
| <input type="checkbox"/> 4 | 18221001.CTQT | Chương trình quan trắc chất lượng môi trường năm 2021 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang | Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang |

(Link truy cập hệ thống: <http://moitruongquocgia.monre.gov.vn>)

II. XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

Một số giao diện Phần mềm khai thác thông tin dữ liệu môi trường quốc gia

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

Trang chủ >> Đa dạng sinh học >> Khu bảo tồn thiên nhiên

KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN

| STT | Mã định danh | Tên khu bảo |
|-----|---------------|---------------------|
| 1 | 05200009.KVBT | An Toàn |
| 2 | 01900007.KVBT | ATK Đình Hóa |
| 3 | 00600020.KVBT | Bà Bể |
| 4 | 00000050.KVBT | Bà Vi |
| 5 | 06800005.KVBT | Bidoup - Núi Bà |
| 6 | 05600008.KVBT | Biển Hòn Mun - Vịnh |
| 7 | 04900015.KVBT | Bà Nà - Núi Chúa (Q |
| 8 | 04800009.KVBT | Bà Nà - Núi Chúa (Đ |
| 9 | 02200008.KVBT | Bãi Tử Long |
| 10 | 04800008.KVBT | Bản Đảo Sơn Trà |

BẢN ĐỒ Bản đồ các Nguồn thải Lưu vực sông Bắc Hưng Hải

Chú giải

- Cơ sở sản xuất
- Khu công nghiệp
- Cụm công nghiệp
- Làng nghề

| Cơ sở hình thành sau dự án | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
|---------------------------------|---------------|-----------------------------|
| | 30/12/2022 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| cảng tổng hợp Vĩnh Tân - Công | 06/01/2020 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| ổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân | | |
| máy sản xuất đồng An Phú - Công | 03/07/2020 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| ty Cổ Phần Khoáng sản đồng 'hú | | |
| g ty TNHH thép Tung Ho Việt | 09/06/2008 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 1 | | |
| g ty TNHH nhôm Minh Dũng | 20/01/2020 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| g ty TNHH Su Cheng Việt Nam | 30/12/2019 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |

(Link truy cập hệ thống: <http://moitruongquocgia.monre.gov.vn>)

II. XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

Đánh giá kết quả đạt được

- HTTT, CSDL môi trường quốc gia (giai đoạn 1) (<http://moitruongquocgia.monre.gov.vn>) đã đáp ứng mục tiêu đặt ra, phù hợp với Khung KTCP điện tử ngành TN&MT, đã **đưa vào vận hành chính thức: tháng 01/2024**, cấp tài khoản truy cập, khai thác cho các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT và các Sở TN&MT 63 tỉnh, thành phố.
- Các phần mềm, CSDL được xây dựng tuân thủ đúng các quy định, hướng dẫn của pháp luật về CNTT và môi trường;
- Hệ thống liên tục có sự điều chỉnh, cập nhật kịp thời bảo đảm tuân thủ quy định pháp lý và các yêu cầu thực tế phát sinh;
- Chuẩn hoá, chuyển đổi, cập nhật dữ liệu vào CSDL MTQG: nguồn thải (hơn 2.100 dự án, 170 khu SXDVTT, 3.600 CSSXKDDV); dữ liệu hồ sơ hơn 5.100 hồ sơ ĐTM, 3.300 giấy phép môi trường; kết quả quan trắc chất lượng môi trường từ chương trình quan trắc môi trường quốc gia, một số địa phương qua các năm; Bộ dữ liệu của 178 khu bảo tồn thiên nhiên và thông tin dữ liệu về loài, nguồn gen tại khu/cơ sở...
- Gắn mã định danh cho các Dữ liệu chủ, bảo đảm tính duy nhất của dữ liệu trong CSDL;
- Xây dựng, cập nhật, quản lý bộ dữ liệu danh mục dùng chung lĩnh vực môi trường.

III. MỘT SỐ KẾ HOẠCH TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TIẾP THEO

- Tiếp tục triển khai nhiệm vụ xây dựng HTTT, CSDL môi trường quốc gia (giai đoạn 2) với mục tiêu xây dựng HTTT, CSDL MTQG hoàn thiện, có thể kết nối, liên thông với các địa phương và CSDL chuyên ngành có liên quan; cung cấp khả năng phân tích, tổng hợp TTDL môi trường, phân tích thống kê phục vụ hệ thống điều hành thông minh; tích hợp, liên thông với HTTT, CSDL ngành TN&MT.
- Tiếp tục xây dựng và ban hành các quy định, hướng dẫn kỹ thuật còn thiếu đối với việc xây dựng, quản lý và vận hành CSDL môi trường các cấp (*Quy định kỹ thuật về quy trình quản lý, vận hành, khai thác các HTTT, CSDL môi trường; Quy định về cấu trúc, định dạng dữ liệu gói tin và dịch vụ kết nối, liên thông CSDL môi trường các cấp...*)
- Đẩy mạnh theo dõi, hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật cho các địa phương triển khai xây dựng HTTT, CSDL môi trường cấp tỉnh theo đúng quy định hiện hành, bảo đảm có thể kết nối, liên thông và tích hợp dữ liệu với CSDL môi trường quốc gia.

XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

**CỤC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC
TRUNG TÂM ĐIỀU TRA, THÔNG TIN VÀ DỮ LIỆU VỀ MÔI TRƯỜNG, ĐA DẠNG SINH HỌC**

Địa chỉ: Trụ sở liên cơ quan Bộ Tài nguyên và Môi trường,
Số 83, Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (0243) 5527919 | Fax: (0243) 8728294
Email: dttttdl@monre.gov.vn